TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 40/2025/DS-PT
Ngày 20 – 01– 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và xác định quyền sử dụng đất liên quan đến tài sản thi hành án

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Bà Đinh Cẩm Đào

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Như Nguyện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Điện – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 504/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và xác định quyền sử dụng đất liên quan đến tài sản thi hành án.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 392/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 377/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1979;

Địa chỉ cư trú: Số A đường L, khóm B, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của ông Nguyễn Trường G: Ông Nghê Liêu P, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Khóm C, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

-*Bị đơn:* Bà Nguyễn Hương T, sinh năm 1994 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957 (Vắng mặt);
2. Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1964 (Vắng mặt);
3. Ông Kim Thành L, sinh năm 1991 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Số A hẻm A, đường L, khóm B, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

4. Ông Nguyễn Thanh P1, sinh năm 1990 (Vắng mặt);

5. Bà Trần Thị Ngọc T1, sinh năm 1996 (Có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Số B, đường Q, khóm C, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

6. Bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1970 (Vắng mặt);

Tạm trú: Số A hẻm A đường L, khóm B, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

7. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm H, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo*: Bà Trần Thị Ngọc T1, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo ông Nguyễn Trường G trình bày:*

Ngày 23/4/2002, ông Nguyễn Phú H1, Trần Thị M được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 199901, phần đất thuộc thửa số 176, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại phường A, thành phố C. Sau đó ông H1, bà M tặng cho lại quyền sử dụng đất trên cho bà Nguyễn Hương T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Lệ H. Ngày 28/7/2016, bà N, bà T, bà H được điều chỉnh trang 4 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Ngày 14/10/2022, giữa ông G, bà T lập hợp đồng nhận chuyển nhượng đối với quyền sử dụng đất của bà T, có sự thống nhất của bà N, bà H; hợp đồng được công chứng tại Phòng C, giá chuyển nhượng là 250.000.000 đồng. Sau khi lập hợp đồng chuyển nhượng, ông đã trả đủ tiền cho bà T, cụ thể: Ngày 29/11/2022 trả 200.000.000 đồng; ngày 11/12/2022 trả 50.000.000 đồng, các lần nhận tiền bà T có làm biên nhận.

Do điều kiện kinh tế khó khăn và thiếu hiểu biết pháp luật, tưởng ra công chứng là đã xong thủ tục chuyển nhượng nên ông chưa đến cơ quan chuyên môn để thực hiện việc điều chỉnh tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau này ông mới biết, tại Bản án số 233/2023 ngày 18/9/2023 của Tòa án thành phố Cà Mau buộc bà T có trách nhiệm thanh toán tiền cọc cho bà T1, ông P1 với tổng số tiền 340.000.000 đồng do trước đó bà T có nhận tiền cọc của bà T1, ông P1 để chuyển nhượng phần đất trên nhưng không thực hiện được.

Ngày 01/3/2024, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau ban hành Thông báo đến các đương sự có quyền khởi kiện để xác định quyền sở hữu đối với quyền sử dụng đất trên. Nay ông G khởi kiện yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với bà T được công chứng tại Phòng C là hợp pháp. Đối với ông P1, bà T1 không liên quan gì trong vụ án này nên ông đề nghị Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng.

- *Đối với bà Nguyễn Hương T:* Tòa án đã tống đặt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Theo bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày:*

Bà với Nguyễn Hương T, Nguyễn Thị N là đồng sở hữu quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc thửa số 176, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại phường A, thành phố C. Phần đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 199901 do UBND thành phố C cấp ngày 23/4/2002 cho ông Nguyễn Phú H1, Trần Thị M. Năm 2016 ông H1, bà M tặng cho quyền sử dụng đất trên cho bà cùng bà T, bà N và đã được điều chỉnh trang 4 trên giấy chứng nhận. Ngày 04/3/2024, bà được biết quyền sử dụng đất trên bị xác định là tài sản phải thi hành án trong vụ án dân sự giữa bà T với bà T1, ông P1.

Ngày 01/3/2024, Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau ban hành Thông báo đến các đương sự có quyền khởi kiện để xác định quyền sở hữu đối với phần đất trên. Nay bà yêu cầu xác định quyền sử dụng đất của bà đối với phần đất trên. Hiện trên phần đất của bà, bà đang sinh sống cùng với con ruột là Kim Thành L. Đối với ông P1, bà T1 không liên quan gì trong vụ án này nên đề nghị Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng.

- *Theo bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà với Nguyễn Hương T, Nguyễn Thị Lệ H là đồng sở hữu quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc thửa số 176, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại phường A, thành phố C. Phần đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 199901 do UBND thành phố C cấp ngày 23/4/2002 cho ông Nguyễn Phú H1, Trần Thị M. Năm 2016 ông H1, bà M tặng cho quyền sử dụng đất trên cho bà cùng bà T, bà N và đã được điều chỉnh trang 4 trên Giấy chứng nhận. Ngày 04/3/2024, bà được biết quyền sử dụng đất trên bị xác định là tài sản phải thi hành án trong vụ án dân sự giữa bà T với bà T1, ông P1.

Ngày 01/3/2024, Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau ban hành Thông báo đến các đương sự có quyền khởi kiện để xác định quyền sở hữu đối với phần đất trên. Nay bà khởi kiện yêu cầu xác định quyền sử dụng đất của bà đối với phần đất trên. Đối với ông P1, bà T1 không liên quan gì trong vụ án này nên đề nghị Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng.

- *Theo bà Trần Thị Ngọc T1, ông Trần Thanh P2 trình bày:*

Vào ngày 19/9/2022, ông bà với bà T có làm hợp đồng đặt cọc để bà T chuyển nhượng cho ông bà 01 căn nhà cấp 4, diện tích 6m x 4,5m với số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Ông bà đã giao tiền cọc cho bà T 170.000.000 đồng. Do hợp đồng không thực hiện được nên ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả lại tiền cọc 170.000.000 đồng và phạt cọc 170.000.000 đồng.

Tại Bản án số 233 ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau buộc bà T có trách nhiệm thanh toán tiền cọc và phạt cọc cho ông bà với tổng số

tiền 340.000.000 đồng. Sau đó ông bà yêu cầu thi hành án đôi với bản án trên. Qua xác minh bà T có quyền sử dụng đất đồng sở hữu với bà H, bà N.

Việc bà T đã nhận cọc của ông bà nhưng còn lập hợp đồng chuyển nhượng cho ông G là có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên ông bà đã làm đơn gửi đến Cơ quan điều tra công an thành phố C để tố cáo hành vi trên của bà T và hiện bà chưa rõ kết quả xử lý ra sau. Việc bà T đã nhận cọc của bà nhưng còn lập hợp đồng chuyển nhượng cho ông G là có dấu hiệu tẩu tán tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông G.

- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau trình bày:

Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau tổ chức thi hành Bản án số233/2023/DS-ST ngày 18/9/2023; Quyết định sửa đổi, bổ sung bản án số146/2023/QĐ-BSBA ngày 13/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;Quyết định thi hành án chủ động số 630/QĐ-CCTHADS ngày 06/11/2023 và Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 763/QĐ-CCTHADS ngày 17/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau cho thi hành đối với bà Nguyễn Hương T, sinh năm 1994, địa chỉ cư trú: Khóm A, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau phải thi hành khoản án phí dân sự sơ thẩm 170.000.000 đồng khoản trả cho bà Trần Thị Ngọc T1 và ông Nguyễn Thanh P1, địa chỉ: Số B, đường Q, khóm C, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau số tiền đặt cọc 170.000.000 đồng, tiền phạt cọc là 170.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.Trong quá trình tổ chức thi hành án, cơ quan thi hành án xác minh về điều kiên thi hành án thể hiện bà Nguyễn Hương T có tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 176, tờ bản đồ số 25 theo sơ đồ mục kê năm 2009 là thửa số 60, tờ bản đồ số 40, tọa lạc khóm B, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau theo GCN quyền sử dụng dất số V 199901, số vào sổ 0031QSDĐ/TPCM do UBND thành phố C cấp ngày 23/4/2002 (thay đổi chủ sở hữu ngày 28/7/2016) đứng tên Nguyễn Thị Lệ H, Nguyễn Thị N và Nguyễn Hương T (theo văn bản cung cấp thông tin số 44/CNVPĐKĐĐ ngày 09/01/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố C.

Để đảm bảo việc thi hành án, Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau ban hành Quyết định về việc tạm dừng đăng ký, chuyển quyền sở hữu sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản số 36/QĐ-CCTHADS ngày 09/11/2023 đối với tài sản đứng tên bà Nguyễn Hương T sở hữu chung với bà Nguyễn Thị Lệ H, Nguyễn Thị N thuộc thửa 176, tờ bản đồ số 25 theo sơ đồ mục kê năm 2009 là thửa số 60, tờ bản đồ số 40, tọa lạc khóm B, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử vụ việc theo quy định pháp luật.

- Theo bà Nguyễn Thị Thanh T2 trình bày:

Hiện bà đang mượn căn nhà của ông G để ở tạm, do bà đang xây nhà mới. Khi nào xây xong nhà, bà sẽ trả lại nhà cho ông G. Trong vụ án tranh chấp giữa

ông G với bà T, không liên quan gì đến bà. Bà xin vắng mặt tại các giai đoạn tố tụng của Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 392/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trường G về việc: Công nhận "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" lập ngày 14/10/2022 giữa ông Nguyễn Trường G với bà Nguyễn Hương T được công chứng tại Phòng C là hợp pháp.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ H về việc xác định quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc thửa số thửa số 176, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại phường A, thành phố C. Bà H được 1/3 quyền sử dụng đất đối với phần đất trên.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc xác định quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc thửa số thửa số 176, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại phường A, thành phố C. Bà N được 1/3 quyền sử dụng đất đối với phần đất trên.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 01/10/2024, bà Trần Thị Ngọc T1 có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, huỷ hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Nguyễn Hương T với ông Nguyễn Trường G trong khi tài sản nêu trên còn đang tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị Ngọc T1 giữ nguyên kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Bà T1 phát biểu: Do quyền sử dụng đất hiện nay vẫn còn đứng tên bà T, nên yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, huỷ hợp đồng chuyển nhượng giữa ông G với bà T.

Ông P phát biểu: Hợp đồng chuyển nhượng giữa ông G với bà T là hợp pháp; do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa ông G với bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Phú H1 và bà Trần Thị M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/4/2002, thửa số 176, tờ bản đồ số 25, diện tích 93m^2, loại đất ở. Đến ngày 15/11/2013, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 200/QĐ-UBND, thu hồi diện tích 6,7m^2; diện tích còn lại 86,3m^2. Đến ngày 28/7/2016, ông H1 và bà M tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất diện tích 86,3m^2 nêu trên cho bà Nguyễn Thị Lệ H, bà Nguyễn Hương T, bà

Nguyễn Thị N, được chỉnh lý biến động giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, bà T, bà N đứng tên ngày 28/7/2016. Bà H, bà T, bà N đồng chủ sử dụng đối với phần đất nêu trên. Đến ngày 14/10/2022, bà T ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Trường G phần đất thuộc quyền sử dụng của bà T trong thửa đất nêu trên để ông G đứng tên đồng sử dụng với bà H và bà N, giá chuyển nhượng 250.000.000 đồng. Hợp đồng chuyển nhượng được lập thành văn bản và được công chứng theo quy định pháp luật. Ông G đã thanh toán xong số tiền chuyển nhượng 250.000.000 đồng cho bà T, bà T cũng giao phần đất thuộc quyền sử dụng cho ông G đồng sử dụng với bà H và bà N.

[2] Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông G với bà T:

[2.1] Hợp đồng chuyển nhượng được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức hợp đồng thực hiện đúng quy định pháp luật. Hợp đồng chuyển nhượng đã được các bên thực hiện hoàn thành; giữa bà T, ông G, bà H, bà N không có phát sinh tranh chấp.

[2.2] Mặc dù quyền sử dụng đất bà T chuyển nhượng cho ông G là đồng sử dụng với bà H và bà N, nhưng khi bà T chuyển nhượng đã có sự đồng ý của bà H và bà N, được thể hiện: Tại giấy cam kết lập ngày 14/10/2022 của bà N, bà H thể hiện: Các bà thống nhất cho bà T chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà T cho người khác; các bà cam kết sẽ cùng với người nhận chuyển nhượng cùng đồng sở hữu, sử dụng mà không có bất kỳ tranh chấp hay khiếu nại gì. Đồng thời tại văn bản thỏa thuận lập ngày 14/10/2022 giữa bà N, bà H, ông G thống nhất thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất trên theo tỉ lệ bằng nhau. Việc thoả thuận hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc.

[2.3] Mặc khác, tại thời điểm lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông G, bà T thì bà T không phải thực hiện nghĩa vụ thi hành án cho bất kỳ ai. Tài sản trên không có tranh chấp, không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp khẩn cấp tạm thời, biện pháp bảo đảm thi hành án, biện pháp cưỡng chế thi hành án theo quy định pháp luật về thi hành án; đồng thời Bản án số 333/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử buộc bà T trả cho ông P1 và bà T1 số tiền 340.000.000 đồng sau khi ông G và bà T đao ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/10/2022.

[2.4] Thực tế, hợp đồng chuyển nhượng giữa ông G với bà T đã được các bên thực hiện, ông G đã trả đủ tiền chuyển nhượng cho bà T, bà T đã giao đất cho ông G quản lý sử dụng từ khi chuyển nhượng cho đến nay. Do đó, không có cơ sở để cho rằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T với ông G là nhằm tẩu tán tài sản để trốn tránh thực hiện nghĩa vụ tài sản với người khác. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G là có căn cứ. Do đó kháng cáo của bà T1 yêu cầu huỷ hợp đồng chuyển nhượng giữa ông G với bà T là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ nhận định trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo bà Trần Thị Ngọc T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm bà T1 phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc T1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 392/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trường G về việc: Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 14/10/2022 giữa ông Nguyễn Trường G với bà Nguyễn Hương T được công chứng tại Phòng C là hợp pháp.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ H về việc xác định quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc thửa số thửa số 176, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại phường A, thành phố C. Bà H được 1/3 quyền sử dụng đất đối với phần đất trên.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc xác định quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc thửa số thửa số 176, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại phường A, thành phố C. Bà N được 1/3 quyền sử dụng đất đối với phần đất trên.

- Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Hương T có nghĩa vụ hoàn lại chi phí tố tụng cho ông Nguyễn Trường G số tiền 400.000 đồng.

Kể từ ngày ông G có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bà T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Hương T phải chịu 300.000 đồng. Ông Nguyễn Trường G không phải chịu án phí. Ngày 03/6/2024 ông G đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008765 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Ngọc T1 phải chịu là 300.000 đồng. Ngày 01/10/2024, bà T1 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009325 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập